

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/HSST  
Ngày: 31-10-2018.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Châu Hoàng Sơn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 133/2018/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Đặng Phước N, sinh ngày 30/6/1994, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 9/4A ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn K và bà: Lê Thị Ngọc N; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 31/7/2012, Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 158/2012/HSST, đến ngày 24/11/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 10/12/2015, Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 210/2015/HSST, đến ngày 28/8/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1977; địa chỉ: nhà không số, tổ 140, ấp T1, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 18/6/2018, Đặng Phước N đi bộ ngang nhà không số, tổ 140, ấp T1, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thấy có đề chiếc xe mô tô nhãn hiệu S biển số 55P2-7962 ở trước nhà không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm tài sản, N đi đến dùng chìa khóa dài khoảng 8cm có đầu bằng kim loại, cán bằng nhựa màu đen để mở khóa. Khi đưa chìa khóa vào vặn thì bị gãy đầu khóa nên N đẩy xe ra, sau đó mở dây điện nổ máy điều khiển xe tẩu thoát đi đến địa chỉ 156/1S, ấp Đ1, xã T, huyện H thì bị lực lượng Công an xã T, huyện H phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu S, màu sơn đỏ đen, loại xe nữ, số máy: F4A5-136834, số khung: E-080134314, biển số: 55P2-7962 và 01 (một) đầu chìa khóa bằng kim loại dài 02cm.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 124/2018 ngày 23/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện H, kết quả định giá như sau: 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu S, màu sơn đỏ đen, loại xe nữ, số máy: F4A5-136834, số khung: E-080134314, biển số: 55P2-7962, số tiền: 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Tại bản cáo trạng số 132/CT-VKS-HS ngày 26/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đặng Phước N về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù;

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại là ông Đặng Văn Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

- Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị tịch thu và tiêu hủy 01 (một) đầu chìa khóa bằng kim loại dài 02cm.

Đối với 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu S, màu sơn đỏ đen, loại xe nữ, số máy: F4A5-136834, số khung: E-080134314, biển số: 55P2-7962 đã giải quyết giao trả cho bị hại là Đặng Văn Q nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 18/6/2018, tại địa chỉ nhà không số, tổ 140, ấp T1, xã T, huyện H, bị cáo Đặng Phước N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Đặng Văn Q là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 55P2-7962 có giá trị là 11.000.000 (mười một triệu) đồng (theo kết luận định giá tài sản số 124/2018 ngày 23/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện H). Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Phước N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của xã hội nên cần có một hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[4] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu S, màu sơn đỏ đen, loại xe nữ, số máy: F4A5-136834, số khung: E-0801343, biển số: 55P2-7962 đã giải quyết giao trả cho bị hại là Đặng Văn Q (bút lục 69, 72), Hội đồng xét xử không xem xét;

- 01 (một) đầu chìa khóa bằng kim loại dài 02cm, hiện do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho vật chứng số 83/PNK ngày 30/8/2018. Vật chứng này không sử dụng được nên quyết định tịch thu và tiêu hủy là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại là ông Đặng Văn Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Phước N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Đặng Phước N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2018.
3. Xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 đầu chìa khóa bằng kim loại dài 02cm (hiện do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho vật chứng số 83/PNK ngày 30/8/2018).
4. Án phí: Bị cáo Đặng Phước N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.
5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H.HM;
- Chi cục Thi hành án DS H.HM;
- Nhà tạm giữ Công an H.Hóc Môn;
- UBND xã T, H.HM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thương**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Châu
2. Ông Nguyễn Thành Thông

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vào hồi .... giờ ..... phút, ngày 21 tháng 4 năm 2016. Tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Lê Kim Phương bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

### **1. Về tội danh:**

Bị cáo Lê Kim Phương phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết: ..... thành viên biểu quyết thống nhất.

### **2. Về điều luật áp dụng:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự,

Kết quả biểu quyết: ..... thành viên biểu quyết thống nhất.

### **3. Về mức hình phạt:**

Xử phạt: Bị cáo Lê Kim Phương.....

Kết quả biểu quyết: ..... thành viên biểu quyết thống nhất.

### **4. Về các vấn đề khác:**

Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu là 200.000 đ (hai trăm nghìn) đồng.

Áp dụng Điều 231, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng khác vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết.

Kết quả biểu quyết:..... thành viên biểu quyết thống nhất.

Biên bản kết thúc lúc            giờ            phút cùng ngày./.

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa**